



## CNXH BỘ CÂU HỎI TỰ LUẬN - câu hỏi tự luận

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....3

Câu 1. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:.....	3
Câu 2. Phân tích điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:.....	4
Câu 3. So sánh điểm tương đối ổn định và điểm biến đổi, khác biệt giữa giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện nay:.....	5
Câu 4. Phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay:.....	7
Câu 5. Trình bày đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:.....	8
Câu 6. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay:.....	9
Câu 7. Trình bày sự biến đổi của giai cấp công nhân hiện nay sau 35 năm đổi mới đất nước (Hay trình bày đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay):.....	10
Câu 8. Trình bày một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay: (không được lấy làm câu vận dụng).....	11

### CHƯƠNG 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI..... 11

Câu 1. Phân tích chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:.....	11
Câu 2. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội:.....	12
Câu 3. Trình bày đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội:.....	13
Câu 4. Phân tích tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:.....	15
Câu 5. Trình bày đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:.....	16
Câu 6. Trình bày đặc điểm (đặc trưng cơ bản) quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa:.....	17
Câu 7. Trình bày đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (8 đặc trưng):.....	18
Câu 8. Trình bày phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay:.....	20

### CHƯƠNG 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA..... 22

Câu 1. Trình bày bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.....	22
Câu 2. Trình bày bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa.....	23
Câu 3. Trình bày mối quan hệ giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.....	24
Câu 4. Trình bày bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	24
Câu 5. Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	26
Câu 6. Trình bày nội dung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.....	26
Câu 7. Trình bày nội dung tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ghi hết từ trang 162 – 163).....	27

## **CHƯƠNG 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....28**

Câu 1. Trình bày sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	28
Câu 2. Trình bày nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	29
Câu 3. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	30
Câu 4. Phân tích vai trò, vị trí của các giai cấp tầng lớp xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	31
Câu 5. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	33
Câu 6. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	34

## **CHƯƠNG 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....36**

Câu 1. Phân tích đặc trưng cơ bản của dân tộc theo nghĩa rộng.....	36
Câu 2. Phân tích Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin.....	38
Câu 3. Phân tích đặc điểm dân tộc ở Việt Nam.....	39
Câu 4. Phân tích chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.....	40
Câu 5. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam.....	41
Câu 6. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay.....	43
Câu 7. Phân tích đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.....	44

## **CHƯƠNG 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....46**

Câu 1. Phân tích vị trí gia đình trong xã hội.....	46
Câu 2. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình.....	47
Câu 3. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	48
Câu 4. Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	51
Câu 5. Phân tích sự biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình.....	51
Câu 6. Phân tích những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	53

## **BỘ CÂU HỎI TỰ LUẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

## CHƯƠNG 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

### Câu 1. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:

**Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân** là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

(Hoặc có thể mở bài: **Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp công nhân** là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.)

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên ba nội dung cơ bản:

#### - **Nội dung kinh tế:**

Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội; giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất – kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới. Tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện "một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động" để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

#### - **Nội dung chính trị - xã hội:**

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

#### - **Nội dung văn hóa, tư tưởng:**

Giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

## **Câu 2. Phân tích điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

**Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân** là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân gồm có điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan:

### **- Điều kiện khách quan:**

#### ***Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân:***

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại. Giai cấp công nhân là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, làm giàu cho xã hội, có vai trò quyết định sự phát triển của xã hội hiện đại.

Điều kiện khách quan là nhân tố kinh tế quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp “tự nó” thành giai cấp “vì nó”. Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn là người áp bức, bóc lột người.

#### ***Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân:***

Trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề, vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân có những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh giải phóng mình và giải phóng xã hội. Giai cấp công nhân được trang bị lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác – Lênin, có đội tiên phong là Đảng Cộng sản dẫn dắt.

**Tóm lại**, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thực hiện bởi nó là giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp đại

biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử - đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng.

**- Điều kiện chủ quan:**

***Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng:***

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại. Chất lượng của giai cấp công nhân phải thực hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng.

Chất lượng của giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay. Để phát triển giai cấp công nhân về cả số lượng và chất lượng, đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản: Phát triển công nghiệp – “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết”; Sự trưởng thành của Đảng Cộng sản – hạt nhân chính trị quan trọng của giai cấp công nhân.

***Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình:***

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo của cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội.

Ngoài hai điều kiện thuộc về nguyên tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác-Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

**Câu 3. So sánh điểm tương đối ổn định và điểm biến đổi, khác biệt giữa giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân hiện nay:**

***Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp công nhân*** là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

So với giai cấp công nhân truyền thống ở thế kỷ XIX, giai cấp công nhân hiện nay vừa có những điểm tương đồng, vừa có những điểm khác biệt, có những biến đổi mới trong điều kiện lịch sử mới được thể hiện qua những nội dung cơ bản sau đây:

**- Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX:**

*Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại*, là chủ thể của quá trình dẫn xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao; sự phát triển của giai cấp công nhân tỷ lệ thuận với sự phát triển



kinh tế. Các nước đang phát triển hiện nay đều thực hiện chiến lược công nghiệp hóa nhằm đẩy mạnh tốc độ, chất lượng và quy mô phát triển. Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khác quan để giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

*Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Xung đột về lợi ích cơ bản giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân (giữa tư bản và lao động) vẫn tồn tại, vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay. Phong trào công sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.*

Từ những điểm tương đồng đó của công nhân hiện đại so với công nhân thế kỷ XIX, khẳng định: *Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.*

#### **- Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại:**

*Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh:* Gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Trí thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình. Có thêm nhiều khái niệm mới để chỉ công nhân theo xu hướng này là “công nhân tri thức”, “công nhân trí thức”, “công nhân áo trắng”, đều chỉ lao động ở trình độ cao. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng.

Vì vậy, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực không còn là hao phí sức lực cơ bắp.

*Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng:* Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản có một số điều chỉnh về phương thức quản lý, các biện pháp điều hòa mâu thuẫn xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Tuy nhiên, về mặt hình thức, giai cấp công nhân không còn là “vô sản” và có thể được “trung lưu hóa” về mức sống; nhưng thực chất, ở các nước tư bản không chiếm được tỷ lệ sở hữu cao nên quá trình sản xuất và phân chia lợi nhuận vẫn bị phụ thuộc vào những cổ đông lớn. Quyền định đoạt trong quá trình sản xuất, quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận vẫn thuộc về giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề bởi các chủ thể mới trong toàn cầu hóa như các tập đoàn xuyên quốc gia, nhà nước của các nước tư bản phát triển.

*Giai cấp công nhân là giai cấp giữ vai trò lãnh đạo, Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân, giữ vai trò cầm quyền trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia xã hội chủ nghĩa.*

**Tóm lại,** trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại. Cơ cấu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu thu nhập giữa các bộ phận công nhân khác nhau trên phạm vi toàn cầu cũng như trong mỗi quốc gia.

#### **Câu 4. Phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay:**

**Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân** là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay được thể hiện qua ba nội dung cơ bản sau:

##### **- Nội dung kinh tế - xã hội:**

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững. Sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động – dịch vụ trình độ cao chính là nhân tố kinh tế - xã hội. Đây cũng là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu, mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bất bình đẳng xã hội → thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới.

##### **- Nội dung chính trị - xã hội:**

Ở các nước tư bản, *mục tiêu đấu tranh trực tiếp* của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội; *mục tiêu lâu dài* là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

##### **- Nội dung văn hóa, tư tưởng:**

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới này nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là cuộc đấu tranh ý thức hệ, là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của sự phát triển xã hội. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do đã đạt được nhiều tiến bộ xã hội quan trọng.

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.



### **Câu 5. Trình bày đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:**

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng xác định: **“Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đan phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp”**.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Ra đời trước giai cấp tư sản, vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì nó sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

- Giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị. Giai cấp công nhân Việt Nam còn thể hiện tinh thần dân tộc, gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc, có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.

Tuy số lượng giai cấp công nhân Việt Nam khi ra đời còn ít, còn chịu nhiều tàn dư của xã hội cũ thời kỳ phong kiến để lại, nhưng giai cấp công nhân sớm tôi luyện trở thành giai cấp có ý thức chính trị giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời. Giai cấp công nhân Việt Nam có tinh thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kỳ đấu tranh cách mạng. Giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội, tạo thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh giai cấp với giai cấp nông dân, với đội ngũ trí thức làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết dân tộc.

- Trong 35 năm đổi mới đất nước, những đặc điểm đó giai cấp công nhân đã có những biến đổi thể hiện trên những nét chính sau đây:

Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng;

Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu công nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế;

Công nhân tri thức nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, có học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công nhân;

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm

quyền thực sự trong sạch, vững mạnh, là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

#### **Câu 6. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay:**

**Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân** là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

**Giai cấp công nhân Việt Nam** là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay được thể hiện qua ba nội dung sau:

##### **- Nội dung kinh tế:**

Giai cấp công nhân Việt Nam với số lượng đông đảo, cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp, với chất lượng ngày càng nâng cao về kỹ thuật và công nghệ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học – công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động.

Phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, *đây là vấn đề nổi bật* đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa – hiện đại hóa làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại.

Phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công – nông – trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn và nông dân nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái. Đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa là quá trình tạo sự phát triển và trưởng thành không chỉ đối với giai cấp công nhân mà còn đối với giai cấp nhân dân, tạo nội dung mới, hình thức mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả khối liên minh công – nông – trí thức.

##### **- Nội dung chính trị - xã hội:**

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên” và “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” là *nội dung chính yếu, nổi bật*. Nêu cao trách nhiệm tiên phong, đi đầu, góp phần củng cố và phát triển cơ sở chính trị - xã hội quan trọng của Đảng. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân.

**- Nội dung văn hóa, tư tưởng:**

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có *nội dung cốt lõi* là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách. Tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại những quan điểm sai lệch, xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập của dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

**Câu 7. Trình bày sự biến đổi của giai cấp công nhân hiện nay sau 35 năm đổi mới đất nước (Hay trình bày đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay):**

**Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp công nhân** là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Sau 35 năm đổi mới đất nước, cùng với sự thay đổi của thế giới và tình hình kinh tế Việt Nam, bản thân giai cấp công nhân cũng có những sự biến đổi được thể hiện trên những nét chính sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân tri thức nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, có học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công nhân.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch, vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

**Câu 8. Trình bày một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay: (không được lấy làm câu vận dụng)**

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng xác định: “**Giai cấp công nhân Việt Nam** là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp”.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ mới cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

- **Một là**, nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- **Hai là**, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc – động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

- **Ba là**, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

- **Bốn là**, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

- **Năm là**, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

### CHƯƠNG 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

#### Câu 1. Phân tích chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ bốn góc độ sau đây:** 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) Là một khoa học – chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa vì:

- Theo C. Mác và Ph.Ăngghen khi nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, nhất là lịch sử xã hội tư bản, xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, thông qua năm hình thái kinh tế - xã hội cơ bản. Học thuyết vạch rõ những quy luật cơ bản của vận động xã hội tiến lên từ thấp lên cao, chỉ ra phương pháp khoa học để giải thích lịch sử.

Học thuyết này được V.I. Lênin bổ sung, phát triển và hiện thực hóa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xôviết trở thành học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin, tài sản vô giá của nhân loại.

- Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra tính tất yếu sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cao hơn là cộng sản chủ nghĩa, là quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

- Học thuyết kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin cung cấp những tiêu chuẩn thực sự duy vật, khoa học để phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao; giữa xã hội tư bản chủ nghĩa (giai đoạn đầu) và xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn sau) là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.

- Về xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, C.Mác cho rằng xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội chưa phát triển trên cơ sở của chính nó còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ để lại. Là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện – kinh tế, đạo đức, tinh thần – còn mang những vết dấu của xã hội cũ mà nó đã lột lòng.

***Tóm lại, về mặt lý luận và thực tiễn, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản được hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất***, đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cần thiết phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội – *những cơn đau đẻ kéo dài. Thứ hai*, đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

## **Câu 2. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội:**

***Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:*** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

V.I.Lênin cho rằng: C.Mác xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên từ chủ nghĩa tư bản là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra – giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lênin có hai điều kiện chủ yếu sau đây:

***- Điều kiện kinh tế:***



Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học thừa nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa tư bản, khẳng định: sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (Cách mạng công nghiệp lần thứ 2), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại tạo ra đến lúc đó.

Tuy nhiên, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất - **mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản**.

#### **- Về điều kiện chính trị - xã hội:**

Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, *biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại và giai cấp tư sản lỗi thời*. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt có tính chính trị rõ nét. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: *“Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng”*.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp; là tiền đề kinh tế - xã hội dẫn tới sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. C.Mác và Ph. Ăngghen: giai cấp tư sản không chỉ tạo vũ khí để giết mình mà còn tạo ra những người sử dụng vũ khí đó, những công nhân hiện đại, những người vô sản. Sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

**Tóm lại**, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không tự nhiên ra đời, nó chỉ được hình thành thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân – Đảng Cộng sản, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

### **Câu 3. Trình bày đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội:**

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ bốn góc độ sau đây:** 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) Là một khoa học – chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

*Có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:*

**- Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện**

Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.



V.I.Lênin trong điều kiện mới của đời sống chính trị - xã hội thế giới thế kỷ XX, từ thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xôviết cho rằng *mục đích cao nhất*, cuối cùng của những cải tạo xã hội chủ nghĩa là thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. V.I.Lênin cũng khẳng định *mục đích cao cả* của chủ nghĩa xã hội cần đạt đến là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột. Để đạt được mục tiêu cao cả đó, giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội – tạo điều kiện về cơ sở vật chất – kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản.

**- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu**

Là đặc trưng về phương tiện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. *Mục tiêu cao nhất* của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức, quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động.

Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm, là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiên bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

**- Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ**

Là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày một hiệu quả.

**- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp cá nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động**

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định: trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Theo V.I.Lênin, *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản* là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư nhân. *Chính quyền đó* là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. *Nhà nước vô sản* phải là một công cụ, một phương tiện; là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý. *Nhà nước chuyên chính vô sản* đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu - chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản.

**- Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.**

Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện mỹ. Quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải biết kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa.

**- Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới**

Vấn đề giai cấp và dân tộc, xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc: “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”.

Chủ nghĩa xã hội, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người luôn là bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị; đồng thời có quan hệ với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Tuy nhiên, để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I.Lênin cần thiết phải có sự liên minh và thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới.

Bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, chủ nghĩa xã hội mở rộng được ảnh hưởng và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

#### **Câu 4. Phân tích tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:**

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

**Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội qua những nội dung sau đây:**

- Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin đã chỉ rõ: lịch sử xã hội đã trải qua **5 hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa**. So với các hình thái kinh tế - xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do.

- Khẳng định tính tất yếu của thời kỳ quá độ, đồng thời các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng phân biệt có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản: 1) **Quá độ trực tiếp** từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra; 2) **Quá độ gián tiếp** từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Xuất phát từ quan điểm cho rằng: chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải tuân theo mà là kết quả của phong trào hiện thực. Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cho rằng: các nước lạc hậu với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng có thể rút ngắn được quá trình phát triển. Vận dụng và phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện mới, Cách mạng Tháng Mười, V.I.Lênin khẳng định: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xôviết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (hiểu theo con đường rút ngắn – T.G)”.

- Quán triệt và vận dụng, phát triển sáng tạo những lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong thời đại ngày nay, thời quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, có thể khẳng định: Với lợi thế của thời đại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các nước lạc hậu, sau khi giành được chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

### **Câu 5. Trình bày đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:**

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

**(Hoặc mở bài: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội)** là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Xã hội của thời kỳ này là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức tinh thần của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội mới phát sinh chưa phải là chủ nghĩa xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó).

Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ **cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện** trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kỳ lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa hội. **Có thể khái quát qua những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:**

#### **- Trên lĩnh vực kinh tế:**

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. V.I.Lênin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế giai trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế xã hội chủ nghĩa. VD: Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó, nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng của sự phát triển.

#### **- Trên lĩnh vực chính trị:**

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện chính trị, việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội

không giai cấp. Là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân; là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới – giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới – xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới – cơ bản là hòa bình tổ chức xây dựng. VD: Xây dựng nhà nước pháp quyền CNXH Việt Nam hiện nay: “Của dân, do dân, vì dân”.

**- Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa:**

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp tu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa – tinh thần ngày càng tăng của nhân dân. VD: Các phong trào “Tương thân tương ái,” “Đền ơn đáp nghĩa,” “Uống nước nhớ nguồn” do các cấp và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân thực hiện và hưởng ứng tham gia trong những năm qua cũng đã phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đóng góp đáng kể an sinh xã hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, vùng khó khăn.

**- Trên lĩnh vực xã hội:**

Trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau; còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Về phương diện xã hội, là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

**Câu 6. Trình bày đặc điểm (đặc trưng cơ bản) quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa:**

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được thể hiện qua những nội dung sau đây:

**- Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi vừa khó khăn đan xen, với những đặc trưng cơ bản sau:**

Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.



Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

**- Đây là tư tưởng mới, phản ánh nhận thức mới, tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này cần được hiểu đầy đủ với những nội dung sau đây:**

*Thứ nhất*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Thứ hai*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Là trong thời kỳ quá độ còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo; còn nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn là chủ đạo còn phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ phúc lợi xã hội; còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa không giữ vai trò thống trị.

*Thứ ba*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

*Thứ tư*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

## **Câu 7. Trình bày đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (8 đặc trưng):**

***Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:*** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)*, đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với *sáu đặc trưng*: 1) Do nhân dân lao động làm chủ; 2) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu; 3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5) Các

dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

- Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. *Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (2011) đã phát triển mô hình xây dựng CNXH ở nước ta với 8 đặc trưng có bản sau đây:*

*Một là, Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh:*

Đây là đặc trưng tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở nước ta, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phải được biểu hiện cụ thể thiết thực, trên cơ sở kế thừa quan điểm Marx-Lenin về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh...là công bằng, hợp lý, mọi người đều được hưởng quyền tự do, dân chủ, được sống cuộc đời hạnh phúc...

*Hai là, Do nhân dân làm chủ:*

Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện ở bản chất ưu việt chính trị của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế thừa giá trị quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin sự nghiệp cách mạng là của quần chúng; kế thừa những giá trị trong tư tưởng truyền thống của dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: dân chủ tức là dân là chủ, dân làm chủ.

*Ba là, Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp:*

*Bốn là, Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:*

Đây là đặc trưng thể hiện tính ưu việt trên lĩnh vực kinh tế của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng so với các chế độ xã hội khác. Quan điểm này hoàn toàn nhất quán với đặc trưng trong quan hệ sản xuất của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng là xác lập dần từng bước chế độ công hữu. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu là một trong những yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế.

*Năm là, Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện:*

Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ được thể hiện trong đặc trưng tổng quát dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mà còn được thể hiện qua đặc trưng về con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Về phương diện con người, chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo: tất cả vì con người, cho con người và phát triển con người toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa. Để có con người xã hội chủ nghĩa phải xác định và hiện thực hóa hệ giá trị phản ánh nhu cầu chính đáng của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng.

*Sáu là, Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển:*



Đặc trưng này thể hiện tính ưu việt trong chính sách dân tộc, giải quyết đúng các quan hệ dân tộc (theo nghĩa hẹp là quan hệ giữa các tộc người) trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

*Bảy là, Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo:*

Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện trong tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tính ưu việt của một xã hội do nhân dân làm chủ gắn bó mật thiết với tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

*Tám là, Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới:*

Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện trong tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tính ưu việt của một xã hội do nhân dân làm chủ gắn bó mật thiết với tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

#### **Câu 8. Trình bày phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay:**

**Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:** 1) là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

**Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay được thể hiện qua những nội dung sau đây:**

**Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) có 7 phương hướng cơ bản:**

1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân;

2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân;

3) Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu;

4) Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội

dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội;

5) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới;

6) Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng;

7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

***Tại Đại hội XI, Đảng ta xác định tám phương hướng đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, giàu mạnh hơn, đó là:***

*Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.*

*Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

*Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.*

*Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.*

*Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.*

*Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.*

*Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.*

*Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.*

***Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cụ thể:***

*Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.*

*Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.*

*Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.*

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030*.

## **CHƯƠNG 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **Câu 1. Trình bày bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

***Dân chủ xã hội chủ nghĩa*** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Với tư cách là đỉnh cao toàn bộ lịch sử tiến hóa của dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa có bản chất như sau:

- ***Bản chất chính trị:*** Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng giai cấp công nhân trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và lợi ích của nhân dân.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân mà ở Đảng Cộng sản đại biểu cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Với nghĩa này, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính chất nguyên về chính trị. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội về mọi mặt. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là người làm là người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội. Quyền được nhân dân chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị. Bàn về quyền làm chủ nhân dân trên lĩnh vực chính trị.

Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân... Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa do đó về thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quyền được tham gia rộng rãi vào công việc quản lý nhà nước chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị.

Xét về bản chất chính trị, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Do đó, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư bản ở bản chất giai cấp; ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên; một đảng hay nhiều đảng; ở bản chất nhà nước.

#### ***- Bản chất kinh tế:***

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn bộ xã hội, đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất, dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại, nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động. Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội. Trước hết đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Khác với nền dân chủ tư bản, bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.

### **- Bản chất tư tưởng – văn hóa – xã hội:**

Bản chất tư tưởng - văn hoá - xã hội: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống xã hội; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hoá, văn minh, tiến bộ xã hội...mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc...

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn minh tinh thần; được nâng cao trình độ văn hoá, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hoá, một quá trình sáng tạo văn hoá, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hoà về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích toàn xã hội; ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

**Tóm lại**, với những bản chất nêu trên, dân chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là kết quả hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản. Với những ý nghĩa như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên về chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản không loại trừ nhau mà ngược lại, chính sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời, tồn tại và phát triển.

### **Câu 2. Trình bày bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa**

**Nhà nước xã hội chủ nghĩa** là một kiểu nhà nước mà ở đó sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

- **Về chính trị**, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị. Sự thống trị của giai cấp vô sản có sự khác biệt về chất so với sự thống trị của các giai cấp bóc lột trước đây. Sự thống trị của giai cấp bóc lột là sự thống trị của thiểu số đối với tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội nhằm duy trì và bảo vệ địa vị của mình. Do đó, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

- **Về kinh tế**, bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại sản xuất bóc lột. Các nhà nước bóc lột khác trong lịch sử đều là nhà nước theo đúng nghĩa của nó, thì nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- **Về văn hóa, xã hội**, nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hoá tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hoá giữa các giai cấp,

tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

### **Câu 3. Trình bày mối quan hệ giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**

**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

**Nhà nước xã hội chủ nghĩa** là một kiểu nhà nước mà ở đó sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua những nội dung sau đây:

**- Một là, dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.**

Chỉ trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình. Việc đó được thực hiện thông qua việc lựa chọn những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước. Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn sự tha hóa, loại bỏ những người không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân. Ngược lại, nếu các nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, thì việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng sẽ không thực hiện được.

**- Hai là, nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.**

Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền lợi và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ. Theo V.I.Lênin, con đường vận động và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa là ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân thực hiện và mở rộng dân chủ, nhằm lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Ngược lại, nếu nhà nước xã hội chủ nghĩa đánh mất bản chất của mình sẽ dễ dẫn tới việc xâm phạm quyền làm chủ của người dân, dẫn tới chuyên chế, độc tài, thủ tiêu nền dân chủ hoặc dân chủ chỉ còn là hình thức.

**Tóm lại,** trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Chính vì vậy trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Đảng ta xem Nhà nước là “trụ cột”, “một công cụ chủ yếu, vững mạnh” của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **Câu 4. Trình bày bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.



Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- Ở Việt Nam, bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ.

- **Hồ Chí Minh khẳng định:**

“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

- **Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm... Nội dung này được hiểu là:**

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

- Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

**Hình thức dân chủ gián tiếp** là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

**Hình thức dân chủ trực tiếp** là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”.



**Tóm lại,** việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc phục triệt để, âm mưu của các thế lực thù địch, vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hoá nảy sinh, diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

#### **Câu 5. Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền** là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình.

**Nhà nước pháp quyền** là kiểu nhà nước mà ở đó tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới có một số đặc điểm cơ bản sau:

**Thứ nhất,** xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

**Thứ hai,** tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

**Thứ ba,** quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

**Thứ tư,** phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm”.

**Thứ năm,** tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

**Thứ sáu,** tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

**Tóm lại,** những đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng đã thể hiện được tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung. Bên cạnh đó, còn thể hiện sự khác biệt so với nhà nước pháp quyền khác. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

#### **Câu 6. Trình bày nội dung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay**

**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- **Một là**, xây dựng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về *phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp*; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các tài sản mới. *Nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế* phải được tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Ban hành văn bản, quy định của thể chế; xây dựng cơ chế vận hành, thực thi thể chế trong hoạt động kinh doanh cụ thể; hoàn thiện tổ chức bộ máy theo dõi, giám sát việc thi hành thể chế, xử lý vi phạm và tranh chấp trong thực thi thể chế. Đồng thời, phải phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

- **Hai là**, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Đảng phải dân chủ hóa trong sinh hoạt, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

- **Ba là**, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất. Vì vậy, tất cả các chính sách, pháp luật đều phải dựa vào ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Đảm bảo quyền tự do của công dân, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bằng pháp luật và trên thực tế đời sống xã hội.

- **Bốn là**, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tạo khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội; tham gia bảo vệ chính quyền, xây dựng Đảng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

- **Năm là**, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần cụ thể, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân đối với các vấn đề phát triển của đất nước. Ngoài ra, cần nâng cao dân trí, văn hóa pháp luật cho toàn thể xã hội.

## **Câu 7. Trình bày nội dung tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ghi hết từ trang 162 – 163)**

**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ, dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được

thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua những nội dung sau:

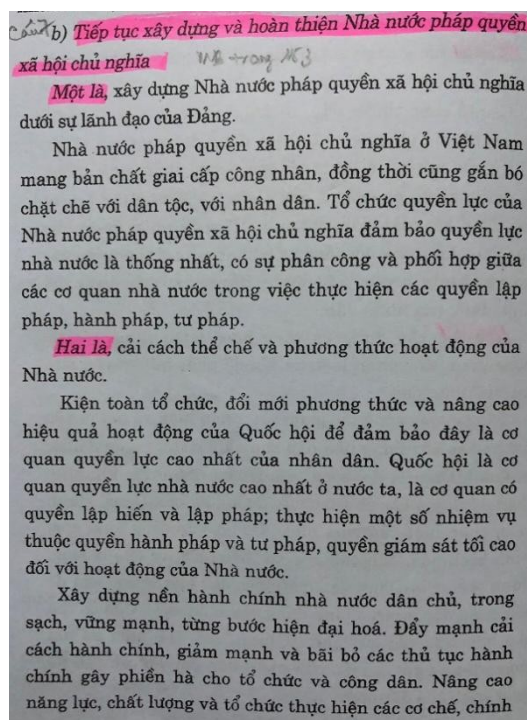


Figure 1. Ghi này trước

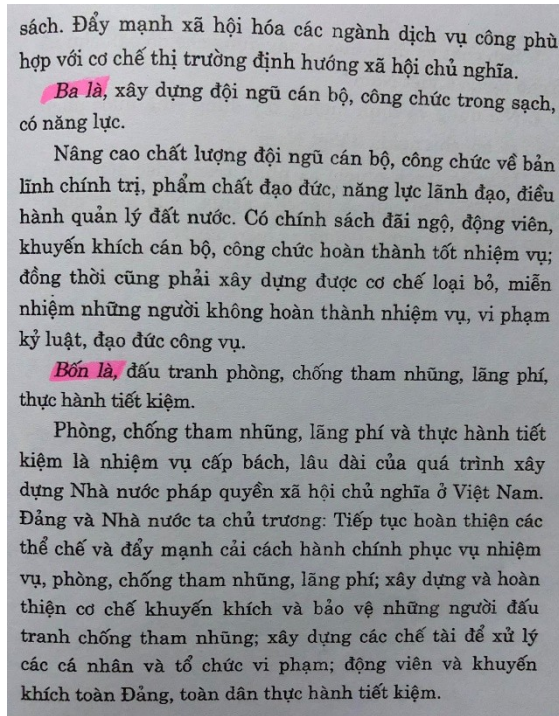


Figure 2. Ghi này sau

## CHƯƠNG 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### Câu 1. Trình bày sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**Cơ cấu xã hội – giai cấp** là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Cơ cấu xã hội – giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính quy luật sau đây:

- **Một là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

Trong một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội – giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố. Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong thời kỳ mới cơ cấu kinh tế tất yếu có những biến đổi và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.



Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế sẽ có những biến đổi đa dạng. Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội – giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển với tính cạnh tranh cao khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động có khả năng thích ứng nhanh, chủ động, sáng tạo trong lao động sản xuất để tạo ra những sản phẩm có giá trị, có hiệu quả cao và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Vậy, xu hướng biến đổi này diễn ra rất khác nhau ở mỗi quốc gia khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do bị quy định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

**- Hai là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.**

**- Ba là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.**

**Tóm lại,** trong cơ cấu xã hội – giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong. Vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội.

## **Câu 2. Trình bày nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng hành tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài ai điều”.

Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua những nội dung sau đây:

**- Xét dưới góc độ chính trị,** trong một chế độ xã hội nhất định, cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung – đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của xã hội có giai cấp. Trong các mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới. Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I Lênin cũng khẳng định liên minh công, nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những

xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh.

- **Xét từ góc độ kinh tế**, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội – tức là cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, cùng với các yếu tố chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp là chủ yếu sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế thị trường phát triển khi được gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cũng phát triển và tạo thành nên cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt.

**Như vậy**, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

### **Câu 3. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

**Cơ cấu xã hội – giai cấp** là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

- **Sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến vừa mang tính đặc thù của hội Việt Nam.**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội – giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật: là sự biến đổi của cơ cấu – giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Tại Đại hội VI, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường với việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế dẫn đến những biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội – giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức của thời kỳ đổi mới. Diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của hội và sự chuyển hóa lẫn

nhau giữa các giai cấp, tầng lớp và xuất hiện những tầng lớp xã hội mới. Những biến đổi này là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm nền kinh tế đất nước phát triển năng động, đa dạng, trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định. Cơ cấu xã hội – giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:**

*Giai cấp công nhân Việt Nam* đóng vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện cho phương thức sản xuất, giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Giai cấp công nhân – lực lượng đi đầu của quá trình này.

*Giai cấp nông dân* cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng bảo vệ Tổ Quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng đề phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển xây dựng nông thôn mới gắn liền với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa công nghiệp...

*Đội ngũ trí thức* là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển văn hóa xã hội Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

*Đội ngũ doanh nhân*: hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong đội ngũ doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an ninh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và đảm bảo độc lập, tự chủ nền kinh tế...

**Tóm lại**, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp sát thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trí xứng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.



#### **Câu 4. Phân tích vai trò, vị trí của các giai cấp tầng lớp xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức của thời kỳ trước đổi mới; iễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, xuất hiện những tầng lớp xã hội mới. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định. Cơ cấu xã hội – giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

- **Một là, giai cấp công nhân Việt Nam** có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phải phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp công nhân – lực lượng đi đầu của quá trình này có những biến đổi nhanh về cả số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Bộ phận ”công nhân hiện đại”, ”Công nhân trí thức” sẽ càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân ngày càng được nâng lên đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, gắn liền với kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang có xu hướng phát triển mạnh. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu – nghèo trong nội bộ công nhân cũng ngày càng rõ nét. Một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ ý thức chính trị giai cấp chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

- **Hai là, giai cấp nông dân** cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị. Trong thời kỳ hóa độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội – giai cấp. Trong giai cấp công nhân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất

ruộng đất, nông dân đi làm thuê... và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ công nhân ngày càng rõ.

- **Ba là, đội ngũ trí thức** là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

- **Bốn là, đội ngũ doanh nhân.** Hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong đội ngũ doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế...

### **Câu 5. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản sau đây:

#### **- Nội dung kinh tế của liên minh:**

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân... để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững;... giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, các lĩnh vực; nâng cao”.

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của

công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí.

### **- Nội dung chính trị của liên minh:**

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân, chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu của các thế lực thù địch.

### **- Nội dung văn hóa - xã hội của liên minh:**

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân, chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an ninh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

## **Câu 6. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội – giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật. Từ Đại hội VI (1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường với việc xây dựng nền

kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- **Một là**, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp thành phần xã hội dễ tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an ninh xã hội,...

- **Hai là**, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội – giai cấp. Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội – giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

**Đối với giai cấp công nhân**, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

**Đối với giai cấp nông dân**, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

**Đối với đội ngũ trí thức**, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

**Đối với đội ngũ doanh nhân**, tạo cơ chế môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

**Đối với phụ nữ**, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển

toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào cấp ủy và bộ máy quản lý các cấp. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ.

**Đối với thế hệ trẻ,** đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- **Ba là,** tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội – giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội. Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, sự khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- **Bốn là,** hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay. Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất. Để thực hiện tốt giải pháp này, vai trò của đội ngũ trí thức, cầu nối doanh nhân là rất quan trọng.

- **Năm là,** đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước. Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các



tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân... Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

## **CHƯƠNG 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **Câu 1. Phân tích đặc trưng cơ bản của dân tộc theo nghĩa rộng**

**Theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation)** là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam, v.v...

Theo nghĩa rộng, dân tộc có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

#### ***- Thứ nhất, có chung một vùng lãnh thổ ổn định***

Lãnh thổ là dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lý; là yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc trong tương quan với các quốc gia – dân tộc khác. Trên không gian đó, các cộng đồng tộc người có mối quan hệ gắn bó với nhau. Nếu không có lãnh thổ thì không có khái niệm tổ quốc, quốc gia. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành viên dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, quá trình di cư khiến cư dân của một quốc gia lại có thể cư trú ở nhiều quốc gia, châu lục khác. Vì vậy, khái niệm dân tộc, lãnh thổ, hay đường biên giới không chỉ bó hẹp trong biên giới “mềm”, ở đó dấu ấn văn hóa chính là yếu tố để phân định ranh giới giữa các quốc gia – dân tộc.

#### ***- Thứ hai, có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế***

Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc, là cơ sở để gắn kết các bộ phận, các thành viên trong dân tộc, tạo nên tính thống nhất, ổn định, bền vững của dân tộc. Mối quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.

#### ***- Thứ ba, có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp***

Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ riêng, bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trên mọi lĩnh vực. Trong một quốc gia có nhiều cộng đồng tộc người, với các ngôn ngữ khác nhau, nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung thống nhất. Tính thống nhất này được thể hiện trước hết ở sự thống nhất về cấu trúc ngữ pháp và khu từ vựng cơ bản. Ngôn ngữ dân tộc là một ngôn ngữ đã phát triển và sự thống nhất về ngôn ngữ là một trong những đặc trưng chủ yếu của dân tộc.

#### ***- Thứ tư, có chung một nền văn hóa và tâm lý***

Văn hóa dân tộc được thể hiện thông qua tâm lý, tính cách, phong tục, tập

quán, lối sống dân tộc, tạo nên bản sắc riêng của từng dân tộc. Văn hóa dân tộc gắn bó chặt chẽ với văn hóa của các cộng đồng tộc người trong một quốc gia. Văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng của sự liên kết cộng đồng. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Cá nhân hoặc nhóm người nào từ chối những giá trị văn hóa dân tộc thì họ đã tự mình tách khỏi cộng đồng dân tộc. Văn hóa của một dân tộc không thể phát triển nếu không giao lưu với văn hóa của dân tộc khác. Tuy nhiên, trong giao lưu văn hóa, các dân tộc luôn có ý thức bảo tồn và phát triển bản sắc của mình, tránh nguy cơ đồng hóa về văn hóa.

#### ***- Thứ năm, có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc)***

Các thành viên cũng như các cộng đồng tộc người trong một dân tộc đều chịu sự quản lý, điều khiển của một nhà nước độc lập. Đây là yếu tố phân biệt dân tộc – quốc gia và dân tộc – tộc người. Dân tộc – tộc người trong một quốc gia không có nhà nước với thể chế chính trị riêng. Hình thức tổ chức, tính chất của nhà nước do chế độ chính trị của dân tộc quyết định. Nhà nước là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.

**Tóm lại**, các đặc trưng cơ bản nói trên gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định. Các đặc trưng ấy có quan hệ nhân quả, tác động qua lại, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ và độc đáo trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, tạo nên tính ổn định, bền vững của cộng đồng dân tộc.

### **Câu 2. Phân tích Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin**

**Theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation)** là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam, v.v...

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát cương lĩnh dân tộc như sau: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp tất cả các dân tộc lại".

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin được thể hiện qua các nội dung sau đây:

**Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.** Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền bị áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thực hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng

hơn có phải được thực hiện trên thực tế. Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, phân biệt chủng tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

**Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết.** Đó là quyền các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tác ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn – cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch. Lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

**Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.** Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ứng sự thống nhất giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của cương lĩnh dân tộc thành một chủ thể.

**Tóm lại,** Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **Câu 3. Phân tích đặc điểm dân tộc ở Việt Nam**

**Theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation)** là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam, v.v...

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

- **Thứ nhất, có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.** Theo các tài liệu chính thức, Việt Nam có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh (Việt) là dân tộc đa số. Dân số thuộc dân tộc Kinh là 82.085.826 người chiếm 85,3%. Trong 53 dân tộc thiểu số, 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người là: Tày, Thái, Mường, Mông, Khmer, Nùng; 11 dân tộc có dân số dưới 5 nghìn người, trong đó Ô Đu là dân tộc có dân số thấp nhất (428 người). Địa bàn sinh sống chủ yếu của người dân tộc thiểu số là vùng trung du

và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

- **Thứ hai, các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.** Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã làm cho bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung hay cư trú trên một địa bàn.

Đặc điểm này một mặt giúp tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ cùng nhau phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

Ví dụ: Nhiều tỉnh có tới trên 20 dân tộc cư trú như Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng... Phần lớn các huyện có từ 5 dân tộc trở lên cư trú. Nhiều xã, bản, mường có tới 3 đến 4 dân tộc cùng sinh sống.

- **Thứ ba, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.** Mặc dù chỉ chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên  $\frac{3}{4}$  diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái – đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở nước láng giềng và khu vực. Ví dụ: dân tộc Thái, dân tộc Mông, dân tộc Khmer, dân tộc Hoa,...do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

- **Thứ tư, các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.** Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Về phương diện xã hội, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số khác nhau. Về phương diện kinh tế, có thể phân loại các dân tộc thiểu số Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau: một số ít các dân tộc còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiên bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

- **Thứ năm, các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.** Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- **Thứ sáu, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa.** Việt Nam thống nhất Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.



Ví dụ: Nói đến văn hóa Mường, chúng ta nói đến cồng chiêng, hát xường. Đối với dân tộc Tày là lễ hội cầu Trăng được diễn ra vào Tết Trung thu hàng năm.

**Tóm lại,** xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

#### **Câu 4. Phân tích chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân.

Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- **Về chính trị:** Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- **Về kinh tế:** Nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

- **Về văn hóa:** Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống “diễn biến hòa bình” trên mặt trận tư tưởng – văn hóa ở nước ta hiện nay.

- **Về xã hội:** Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- **Về an ninh – quốc phòng:** Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân,



tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Thực hiện đúng chính sách dân tộc Việt Nam hiện nay là phải phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh – quốc phòng các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo của Tổ quốc.

**Như vậy**, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính chất toàn diện. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính cách mạng và tiến bộ, còn mang tính nhân văn sâu sắc; đồng thời phát huy nội lực của mỗi dân tộc.

### **Câu 5. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam**

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, **tôn giáo là** một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí.

Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam được thể hiện qua những nội dung sau đây:

#### ***- Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo***

Nước ta hiện nay có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo đã được công nhận và cấp đăng ký hoạt động với khoảng 57.000 chức sắc, 157.000 chức việc và hơn 29.000 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như Phật Giáo, Công Giáo, Tin lành, Hồi giáo; có tôn giáo nội sinh, như Cao Đài, Hoà Hảo.

#### ***- Thứ hai: Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hoà bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo***

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hoá thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hoà bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hoá Việt Nam.

#### ***- Thứ ba: tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.***

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa năng, chủ yếu là người lao động... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc và có ước vọng sống "tốt đời, đẹp đạo".

#### ***- Thứ tư: hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.***

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo,

chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

**- Thứ năm: các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài**

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế.

Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết các vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta.

#### **Câu 6. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay**

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, **tôn giáo là** một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí.

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay được thể hiện qua những nội dung sau đây:

**- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.**

Đảng ta khẳng định, tín ngưỡng, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; nó mang tính khoa học và cách mạng, hoàn toàn khác với cách nhìn nhận chủ quan, tả khuynh là có thể làm cho tín ngưỡng, tôn giáo mất đi; hoặc duy tâm, hữu khuynh là hiện tượng bất biến, độc lập, thoát ly với mọi cơ sở kinh tế - xã hội, thể chế chính trị.

Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

**- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.**

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức.

Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên,

tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

***- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.***

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

***- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.***

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị do Đảng lãnh đạo. Cần củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo các cấp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh với hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc và dân tộc.

***- Vấn đề theo đạo và truyền đạo.*** Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**Câu 7. Phân tích đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam**

**Theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation)** là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam, v.v...

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, **tôn giáo** là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí.

Quan hệ dân tộc và tôn giáo là sự liên kết, tác động qua lại, chi phối lẫn nhau

giữa dân tộc và tôn giáo. Ở nước ta hiện nay, mối quan hệ này có những đặc điểm mang tính đặc thù cơ bản sau:

***- Thứ nhất, Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất.***

Trong lịch sử cũng như trong hiện tại, các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, gắn bó với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết ý thức rõ về nguồn cội, về một quốc gia – dân tộc thống nhất cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian gần đây, ở nhiều nước, nhiều nơi trên thế giới nổi lên xu hướng xung đột dân tộc, tôn giáo. Trong bối cảnh đó, ở Việt Nam, sau khi giành được độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ dân tộc và tôn giáo luôn được coi trọng và không dẫn đến những xung đột lớn trong nội bộ quốc gia. Mặc dù trong triển khai, do nhận thức hoặc do thực tiễn chưa đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo nên có lúc quan hệ xảy ra mâu thuẫn cần phải nhận diện rõ và đánh giá một cách khách quan để tiếp tục tăng cường giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, nhằm một mặt phát huy những giá trị tốt đẹp của các dân tộc và những giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo, tín ngưỡng, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam; mặt khác, đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia.

***- Thứ hai, quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống***

Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ như sau:

*Ở cấp độ gia đình*, thờ cúng tổ tiên là hoạt động phổ biến, trở thành truyền thống, nét đẹp văn hóa của mỗi gia đình, dòng họ; là sợi dây kết dính các thành viên trong dòng họ, dòng tộc, kể cả họ có thể sinh sống trên mọi miền của đất nước.

*Ở cấp độ làng, xã*, hầu hết các làng xã người Việt đều thờ cúng Thành hoàng làng, thần làng rất đa dạng. Là các vị có công gây dựng làng xã, dạy nghề cho dân, hoặc là người có công với nước được sinh ra tại làng, xã đó, .v.v... Trở thành sợi dây gắn kết chặt chẽ các thành viên trong gia đình với làng, xã gắn kết các làng, xã với nhau.

*Ở cấp độ quốc gia*, đỉnh cao của sự hội tụ đoàn kết thống nhất cộng đồng dân tộc của người Việt Nam được biểu hiện dưới dạng tín ngưỡng, tôn giáo, đó là người Việt Nam dù sinh sống ở bất cứ nơi đâu trên mọi miền Tổ quốc hay định cư ở nước ngoài đều hướng về cội nguồn dân tộc chung – nơi các vua Hùng đã có công dựng nước – thực hiện các nghi lễ tế tự, thờ cúng thể hiện lòng tôn kính, niềm tự hào dân tộc về con Lạc cháu Hồng, về “đồng bào” đoàn kết gắn bó chặt chẽ trong một cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.

Như vậy, chính tín ngưỡng truyền thống đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa trên thế giới và phần lớn các tôn giáo đều là tôn giáo ngoại sinh, đã phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc, nền tảng văn hóa bản địa trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống. Sự biến đổi của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo,



Công giáo khi vào Việt Nam là những ví dụ điển hình.

**- Thứ ba, các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường, tiến hành hội nhập quốc tế sâu rộng thì đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam phát triển, xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới như Long Hoa Di Lạc, Tiên Rồng,.. và các tổ chức đội lốt tôn giáo như Tin Lành Đêga, Hà Mòn ở Tây Nguyên. Tính chất mê tín của các hiện tượng tôn giáo mới khá rõ. Một số nhóm lợi dụng tuyên truyền những nội dung gây hoang mang, hay thực hành những nghi lễ phản văn hóa, truyền đạo trái phép, phát tán các tài liệu xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; gây tác động tiêu cực đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Do vậy, các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lý tốt nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

## **CHƯƠNG 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **Câu 1. Phân tích vị trí gia đình trong xã hội**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Vị trí gia đình trong xã hội được thể hiện qua những nội dung sau đây:

**- Thứ nhất, gia đình là tế bào của xã hội**

Gia đình có vai trò quyết định đến sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt.

Tuy nhiên mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

**- Thứ hai, gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên**

Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến khi lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm nhận bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.



### ***- Thứ ba, gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội***

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Chỉ trong gia đình mới thể hiện được tình cảm thiêng liêng mà không cộng đồng nào có được và có thể thay thế.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân lại không thể chỉ sống trong quan hệ tình cảm gia đình, mà còn có nhu cầu quan hệ xã hội, quan hệ với những người khác, ngoài các thành viên trong gia đình. Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về mỗi cá nhân khi xem xét họ trong các quan hệ xã hội và quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, ở bất cứ xã hội nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng gia đình và củng cố gia đình. Vậy nên, đặc điểm của gia đình ở mỗi chế độ xã hội có khác nhau. Trong xã hội phong kiến, để củng cố, duy trì chế độ bóc lột, với quan hệ gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền đã có những quy định rất khắt khe đối với phụ nữ, đòi hỏi người phụ nữ phải tuyệt đối trung thành với người chồng, người cha - những người đàn ông trong gia đình. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, để xây dựng một xã hội thật sự bình đẳng, con người được giải phóng, giai cấp công nhân chủ trương bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng, thực hiện sự bình đẳng trong gia đình, giải phóng phụ nữ.

## **Câu 2. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Gia đình có các chức năng cơ bản sau:

### ***- Thứ nhất, chức năng tái sản xuất ra con người***

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Việc tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, chức năng này góp phần cung cấp sức lao động - nguồn nhân lực cho xã hội. Chức năng này sẽ góp phần thay thế những lớp người lao động cũ đã đến tuổi nghỉ hưu, đã hết khả năng lao động linh hoạt, năng động, sáng tạo.

Việc thực hiện chức năng này vừa đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội, vừa đáp ứng được nhu cầu về tâm lý, tình cảm của chính bản thân con người. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích hay hạn chế.

### ***- Thứ hai, chức năng nuôi dưỡng, giáo dục.***

Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên. Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định, vừa là chủ thể, vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết mực quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v...) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không gắn với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục của xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục của gia đình.

Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt, văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

***- Thứ ba, chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.***

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Và khi thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

***- Thứ tư, chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.***

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên.

***- Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị...*** Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

### **Câu 3. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua những nội dung sau đây:

#### **- Cơ sở kinh tế - xã hội**

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức, bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. mùa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tự nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển tiến bộ của xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

#### **- Cơ sở chính trị - xã hội**

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu đề nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật hôn nhân và gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm y tế bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng, vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình. mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

### **- Cơ sở văn hóa**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao

### **- Chế độ hôn nhân tiến bộ**

#### **Hôn nhân tự nguyện**

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu sẽ dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

### **- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng:**

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ, một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện giải phóng đối với người phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó, vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm và chia sẻ.

#### **- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý:**

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

#### **Câu 4. Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua những nội dung sau đây:

- Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn (còn gọi là gia đình hạt nhân) đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn – thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

- Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ – con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

- Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại



mới.

- Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

### **Câu 5. Phân tích sự biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Sự biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình được thể hiện qua những nội dung sau:

#### ***- Thứ nhất, chức năng tái sản xuất ra con người***

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ của các gia đình được tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát dân số thông qua Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỷ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn già hóa. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con.

Nếu như trước kia do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế.

#### ***- Thứ hai, chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng***

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt

*Thứ nhất*, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội.

*Thứ hai*, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp

ứng nhu cầu thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình phần lớn có quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

### ***- Thứ ba, chức năng giáo dục (xã hội hóa)***

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình<sup>1</sup>. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục gia đình xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung của giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển của kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, làm cho kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Mâu thuẫn này là một thực tế chưa có lời giải hữu hiệu ở Việt Nam hiện nay. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gian qua.

### ***- Thứ tư, chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm***

Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, với tỉ lệ các gia đình sinh một con tăng lên thì đời sống tình cảm của nhiều trẻ em và cả người lớn sẽ kém phong phú hơn, nhu cầu thỏa mãn tâm lý – tình cảm đang tăng lên, gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên.

Nhà nước cần có những giải pháp, biện pháp đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

#### **Câu 6. Phân tích những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**Gia đình** là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua những nội dung sau:

##### ***Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các cấp, ngành, địa phương.

##### ***Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình***

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sỹ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời, hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu. Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

##### ***Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay***

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình bộc lộ cả mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

***Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa***

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiên bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hòa thuận, tiên bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, để xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình

Cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.